



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Giấy chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

Ngày 11 tháng 12 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 11 tháng 12 năm 2017. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2019)
	Giám đốc Điều hành (đến ngày 31/12/2018)
Ông Lê Mạc Thuần	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2019)
	Giám đốc Điều hành (đến ngày 31/12/2018)
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2018)
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2018)
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành
Ông Cao Hữu Hiếu	Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/2/2018)
Ông Nguyễn Đức Trị	Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/1/2019)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam **Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 82 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc




Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 4 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 82.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 433.820 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 353.406 triệu VND). Phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam được hưởng như đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 78.617 triệu VND (2017: 41.502 triệu VND). Chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này nên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ghi nhận cho năm kết thúc cùng ngày và các thông tin so sánh có liên quan. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể được xác định là cần thiết đối với các số liệu này nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 2(a), 3(b) và 3(d)(iv) của báo cáo tài chính hợp nhất. Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ áp dụng một số chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong việc lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài chính tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017. Các chính sách kế toán này có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được nêu cụ thể tại các Thuyết minh 2(a), 3(b) and 3(d)(iv) và vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

- Thuyết minh 7(c) và 24(a) của báo cáo tài chính hợp nhất. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam ("Công văn 17623"), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán mà trước đó đã được xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ghi nhận khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị sổ sách của khoản phải nộp là 360.510 triệu VND (1/1/2018: 363.057 triệu VND). Cũng theo Công văn số 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

Các vấn đề nhấn mạnh này không liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty TNHH KPMG



Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00202-19-2
Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		10.547.264.170.794	9.474.983.419.484
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.591.051.847.226	1.496.319.038.319
Tiền	111		300.809.348.604	314.803.881.248
Các khoản tương đương tiền	112		1.290.242.498.622	1.181.515.157.071
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		530.964.535.704	720.376.522.818
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	-	47.062.178.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(b)	530.964.535.704	673.314.344.818
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.281.098.485.161	3.220.244.858.253
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	2.327.069.170.076	2.054.321.190.242
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		201.282.072.077	452.436.893.222
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	172.522.442.156	162.127.442.156
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	903.786.266.023	846.040.724.198
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(324.757.707.864)	(296.217.456.995)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.196.242.693	1.536.065.430
Hàng tồn kho	140	12	4.843.699.346.538	3.637.394.757.076
Hàng tồn kho	141		4.963.162.189.914	3.729.895.641.565
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(119.462.843.376)	(92.500.884.489)
Tài sản ngắn hạn khác	150		300.449.956.165	400.648.243.018
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	26.685.313.545	33.896.041.635
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		258.541.452.805	336.698.263.287
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22(a)	15.223.189.815	30.053.938.096

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		11.347.596.521.884	11.431.176.976.389
Các khoản phải thu dài hạn	210		562.967.514.004	825.796.101.240
Phải thu về cho vay dài hạn	215		6.538.300.000	7.622.700.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	675.751.808.800	937.495.996.036
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11	(119.322.594.796)	(119.322.594.796)
Tài sản cố định	220		7.365.097.360.609	6.570.669.864.509
Tài sản cố định hữu hình	221	13	7.178.171.661.284	6.393.049.968.080
<i>Nguyên giá</i>	222		13.636.054.984.364	12.236.634.594.087
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.457.883.323.080)	(5.843.584.626.007)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	54.262.989.793	44.906.094.256
<i>Nguyên giá</i>	225		63.165.850.569	55.877.351.986
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(8.902.860.776)	(10.971.257.730)
Tài sản cố định vô hình	227	15	132.662.709.532	132.713.802.173
<i>Nguyên giá</i>	228		170.074.055.243	165.599.933.067
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(37.411.345.711)	(32.886.130.894)
Bất động sản đầu tư	230	16	178.515.423.788	166.252.445.854
<i>Nguyên giá</i>	231		211.317.729.648	194.203.816.464
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(32.802.305.860)	(27.951.370.610)
Tài sản dở dang dài hạn	240		690.509.110.384	1.292.091.470.162
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	690.509.110.384	1.292.091.470.162
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.142.822.165.620	2.124.528.222.477
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(c)	1.919.384.959.300	1.888.606.874.259
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(c)	245.927.489.068	251.716.814.537
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(c)	(25.795.282.748)	(21.700.466.319)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(b)	3.305.000.000	5.905.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		407.684.947.479	451.838.872.147
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	398.023.838.864	430.050.234.807
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	5.993.370.726	5.715.060.012
Tài sản dài hạn khác	268		581.358.933	607.358.933
Lợi thế thương mại	269	20	3.086.378.956	15.466.218.395
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		21.894.860.692.678	20.906.160.395.873

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.898.761.746.966	13.084.847.897.467
Nợ ngắn hạn	310		8.778.639.941.963	7.474.895.414.897
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	1.312.440.236.730	1.160.954.234.781
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		189.207.720.335	106.429.353.496
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22(b)	82.331.611.264	83.482.313.067
Phải trả người lao động	314		588.180.295.163	452.951.659.183
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23(a)	112.421.333.997	108.710.655.223
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		10.990.211.459	7.888.880.246
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	604.149.072.236	572.775.002.858
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26(a)	5.727.826.476.476	4.826.475.573.943
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	151.092.984.303	155.227.742.100
Nợ dài hạn	330		5.120.121.805.003	5.609.952.482.570
Phải trả người bán dài hạn	331	21	-	26.861.482.870
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		15.294.587.874	19.932.033.609
Chi phí phải trả dài hạn	333	23(b)	24.665.472.000	25.614.144.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	25	233.241.961.588	213.353.268.541
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	87.081.581.052	103.509.223.552
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26(b)	4.633.405.784.037	5.088.480.662.528
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	55.700.980.180	61.104.288.874
Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	70.676.377.590	70.982.251.715
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		55.060.682	115.126.881

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	29	7.996.098.945.712	7.821.312.498.406
Vốn chủ sở hữu	410		7.965.717.920.710	7.788.889.846.384
Vốn cổ phần	411	30	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Vốn khác của chủ sở hữu	414		42.248.630.739	42.248.630.739
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(740.362.454.896)	(742.835.089.736)
Quỹ đầu tư phát triển	418	32	526.746.543.959	494.461.905.677
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	10.981.645.059
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		657.194.845.550	569.477.391.709
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		219.098.282.370	183.521.885.595
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		438.096.563.180	385.955.506.114
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	33	550.677.792.232	550.677.792.232
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.899.300.912.234	1.833.965.919.812
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		30.381.025.002	32.422.652.022
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		30.381.025.002	32.422.652.022
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		21.894.860.692.678	20.906.160.395.873

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	35	19.136.157.649.993	17.468.652.438.905
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	34.691.517.825	22.108.638.963
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		19.101.466.132.168	17.446.543.799.942
Giá vốn hàng bán	11	36	17.300.466.741.035	15.854.507.030.477
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.800.999.391.133	1.592.036.769.465
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	324.434.230.857	317.894.919.942
Chi phí tài chính	22	38	643.885.452.531	406.266.228.809
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>457.300.477.034</i>	<i>356.407.134.776</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		672.651.827.830	545.092.625.913
Chi phí bán hàng	25	39	536.563.116.186	546.608.882.782
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	893.995.286.779	870.496.583.100
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		723.641.594.324	631.652.620.629
Thu nhập khác	31	41	148.078.810.827	155.013.424.872
Chi phí khác	32	42	110.319.717.305	38.196.201.873
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		37.759.093.522	116.817.222.999
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		761.400.687.846	748.469.843.628
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	44	64.466.255.476	65.096.360.754
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	44	(5.681.619.408)	(1.800.056.762)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		702.616.051.778	685.173.539.636

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		702.616.051.778	685.173.539.636
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		438.096.563.180	385.955.506.114
Cổ đông không kiểm soát	62		264.519.488.598	299.218.033.522
Lãi trên cổ phiếu		45		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		741	772
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		668	695

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

Người lập:

Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toánLê Tiến Trường
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		761.400.687.846	748.469.843.628
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		889.228.800.886	770.418.177.919
Các khoản dự phòng	03		46.620.875.859	40.136.391.626
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		55.050.933.836	(4.293.645.858)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(863.419.680.688)	(811.245.418.173)
Chi phí lãi vay	06		457.300.477.034	356.407.134.776
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.346.182.094.773	1.099.892.483.918
Biến động các khoản phải thu	09		360.406.483.399	74.176.195.439
Biến động hàng tồn kho	10		(1.242.540.078.258)	(448.816.094.841)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		372.489.000.250	(89.816.698.563)
Biến động chi phí trả trước	12		87.739.237.670	43.678.935.582
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		47.062.178.000	30.827.944.622
			971.338.915.834	709.942.766.157
Tiền lãi vay đã trả	14		(453.521.701.768)	(369.228.002.705)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(67.690.963.801)	(82.590.700.909)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		134.645.500	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(96.300.789.943)	(105.703.376.367)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		353.960.105.822	152.420.686.176

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.269.041.704.979)	(1.685.881.799.684)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		25.956.046.623	34.139.540.984
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(162.199.935.935)	(367.062.257.060)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		301.300.245.049	582.403.023.029
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(28.722.417.582)	(95.708.331.911)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		178.751.852.260	168.861.954.095
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		643.791.028.496	460.991.284.201
Ảnh hưởng thuần của việc thanh lý công ty con và hợp nhất công ty con mới trong năm		5	10.224.188.780	13.665.988.743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(299.940.697.288)	(888.590.597.603)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31		14.840.260.000	20.893.610.000
Tiền thu từ đi vay	33		12.056.138.855.595	15.768.135.886.323
Tiền trả nợ gốc vay	34		(11.663.549.437.555)	(14.658.445.805.365)
Tiền trả cổ tức	36		(368.119.804.083)	(396.211.874.315)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		39.309.873.957	734.371.816.643

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		93.329.282.491	(1.798.094.784)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.496.319.038.319	1.496.458.060.972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.403.526.416	1.659.072.131
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	1.591.051.847.226	1.496.319.038.319

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

Người lập:

Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toánLê Tiên Trường
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC – TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
 - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 46 công ty con và 31 công ty liên kết (1/1/2018: 50 công ty con và 32 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	16	Xem Phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	22	Xem Phụ lục 2
Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	8	Xem Phụ lục 3
	<hr/>	
	46	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.	31	Xem Phụ lục 4
	<hr/>	
	77	
	<hr/>	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 37.278 nhân viên (1/1/2018: 40.316 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, ngoại trừ một số chính sách kế toán được áp dụng trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vẫn còn có ảnh hưởng đến năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được mô tả dưới đây.

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như sau: Đối với khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ phải phân bổ vào chi phí trong năm 2016 ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017, số còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ cho những năm sau nhưng không quá 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a). Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Nếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ cùng giảm 9.088 triệu VND (1/1/2018: 12.116 triệu VND) và chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm và tăng cùng một giá trị là 3.029 triệu VND (2017: 3.029 triệu VND).

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn Dệt May Việt Nam khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác bao gồm chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn kiểm soát;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 10 năm

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

(k) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban lãnh đạo công ty con tương ứng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 10 – 50 năm
- hạ tầng khu công nghiệp 4 – 45 năm

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước

Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(v) Phụ tùng thay thế

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(vi) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(vii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được ghi nhận phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

(viii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tập đoàn xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(o) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(p) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(q) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành.

(r) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(t) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

(v) Doanh thu cho thuê lại đất thuê

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(y) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất; và
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2018	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	16.481.824.749.470	1.334.063.647.441	1.285.577.735.257	-	19.101.466.132.168
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.941.982.943.364	197.568.943.818	17.556.443.621	(3.157.108.330.803)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	19.423.807.692.834	1.531.632.591.259	1.303.134.178.878	(3.157.108.330.803)	19.101.466.132.168
Phần lãi trong công ty liên kết	632.916.058.753	22.640.834.957	17.094.934.120	-	672.651.827.830
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	772.760.351.488	(3.884.749.892)	90.177.590.380	(135.411.597.652)	723.641.594.324
Thu nhập khác	161.241.137.852	267.508.751	1.662.599.859	(15.092.435.635)	148.078.810.827
Chi phí khác	(113.881.074.845)	(157.396.995)	(3.523.945.055)	7.242.699.590	(110.319.717.305)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(46.349.824.273)	(759.952.619)	(17.356.478.584)	-	(64.466.255.476)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	(208.296.954)	-	-	5.889.916.362	5.681.619.408
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN	773.562.293.268	(4.534.590.755)	70.959.766.600	(137.371.417.335)	702.616.051.778

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31/12/2018					
Tài sản của bộ phận	23.867.489.518.961	290.604.031.400	2.219.906.416.495	(6.402.524.233.478)	19.975.475.733.378
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.473.703.117.650	412.560.000	307.875.000	444.961.406.650	1.919.384.959.300
Tổng tài sản	25.341.192.636.611	291.016.591.400	2.220.214.291.495	(5.957.562.826.828)	21.894.860.692.678
Tổng nợ phải trả	14.629.635.922.217	1.355.669.156.700	1.021.630.501.574	(3.108.173.833.525)	13.898.761.746.966
Năm 2018					
Chi tiêu vốn	1.222.609.288.542	1.273.104.546	113.767.312.417	(68.608.000.526)	1.269.041.704.979
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	819.647.548.249	1.742.342.779	34.163.468.223	(2.877.724.793)	852.675.634.458
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	3.696.927.763	-	-	-	3.696.927.763
Khấu hao tài sản cố định vô hình	5.201.694.482	-	31.987.547	198.478.743	5.432.160.772
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.741.314.611	207.734.004	3.098.299.234	121.120.253	5.168.468.102

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2017	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.296.107.009.785	1.709.458.063.604	1.440.978.726.553	-	17.446.543.799.942
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	3.044.536.895.422	247.992.459.143	78.468.354.487	(3.370.997.709.052)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	17.340.643.905.207	1.957.450.522.747	1.519.447.081.040	(3.370.997.709.052)	17.446.543.799.942
Phản lãi trong công ty liên kết	520.773.120.080	16.619.837.518	7.699.668.315	-	545.092.625.913
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	607.802.375.747	(35.648.869.837)	76.216.930.212	(16.717.815.493)	631.652.620.629
Thu nhập khác	165.723.160.704	619.742.760	10.943.558.378	(22.273.036.970)	155.013.424.872
Chi phí khác	(53.538.832.058)	(4.815.252.367)	(1.753.731.876)	21.911.614.428	(38.196.201.873)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(44.254.654.474)	(495.315.269)	(20.346.391.011)	-	(65.096.360.754)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	(1.451.567.836)	-	-	3.251.624.598	1.800.056.762
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN	674.280.482.083	(40.339.694.713)	65.060.365.703	(13.827.613.437)	685.173.539.636

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1/1/2018					
Tài sản của bộ phận	22.752.287.485.520	338.778.653.975	2.213.971.206.938	(6.287.483.824.819)	19.017.553.521.614
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.473.703.117.650	412.560.000	307.875.000	414.183.321.609	1.888.606.874.259
Tổng tài sản	24.225.990.603.170	339.191.213.975	2.214.279.081.938	(5.873.300.503.210)	20.906.160.395.873
Tổng nợ phải trả	14.645.651.136.221	490.949.064.894	998.368.920.962	(3.050.121.224.610)	13.084.847.897.467
Năm 2017					
Chi tiêu vốn	1.518.897.259.349	24.644.967.163	156.710.325.284	(14.370.752.112)	1.685.881.799.684
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	671.359.616.377	24.837.380.347	47.501.161.767	(27.133.777.307)	716.564.381.184
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	6.388.429.852	-	-	-	6.388.429.852
Khấu hao tài sản cố định vô hình	4.740.243.010	-	76.620.780	246.014.592	5.062.878.382
Khấu hao bất động sản đầu tư	5.175.920.816	179.539.734	6.570.142.400	(7.829.699.518)	4.095.903.432

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

Năm 2018	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	5.925.996.174.684	13.175.469.957.484	19.101.466.132.168
Kết quả kinh doanh của bộ phận	422.447.093.221	1.378.552.297.912	1.800.999.391.133
Thu nhập không phân bổ			997.086.058.687
Chi phí không phân bổ			(2.074.443.855.496)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			723.641.594.324
Thu nhập khác			148.078.810.827
Chi phí khác			(110.319.717.305)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(58.784.636.068)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			702.616.051.778
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31/12/2018			
Tài sản của bộ phận	1.449.317.872.006	754.275.662.283	2.203.593.534.289
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ			19.691.267.158.389
Tổng tài sản			21.894.860.692.678
Nợ phải trả của bộ phận	848.798.926.031	668.143.618.908	1.516.942.544.939
Các khoản nợ không phân bổ			12.381.819.202.027
Tổng nợ phải trả			13.898.761.746.966

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Năm 2017	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	5.437.391.769.465	12.009.152.030.477	17.446.543.799.942
Kết quả kinh doanh của bộ phận	652.145.912.735	939.890.856.730	1.592.036.769.465
<hr/>			
Thu nhập không phân bổ			862.987.545.855
Chi phí không phân bổ			(1.823.371.694.691)
<hr/>			
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			631.652.620.629
<hr/>			
Thu nhập khác			155.013.424.872
Chi phí khác			(38.196.201.873)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(63.296.303.992)
<hr/>			
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			685.173.539.636
<hr/>			
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1/1/2018			
Tài sản của bộ phận	1.194.873.751.749	1.015.666.874.720	2.210.540.626.469
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ			18.695.619.769.404
<hr/>			
Tổng tài sản			20.906.160.395.873
<hr/>			
Nợ phải trả của bộ phận	917.355.238.076	396.821.866.680	1.314.177.104.756
Các khoản nợ không phân bổ			11.770.670.792.711
<hr/>			
Tổng nợ phải trả			13.084.847.897.467
<hr/>			

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Thoái vốn đầu tư ở các công ty con

Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà với giá trị ghi sổ là 22,5 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó, giảm tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà từ 100% xuống còn 25%. Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà trở thành công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex và của Tập đoàn.

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định với giá trị ghi sổ là 2,3 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó, giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty này từ 79% xuống còn 36%. Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định với giá trị ghi sổ là 4,5 tỷ VND cho các cổ đông khác.

Theo giấy ủy quyền ngày 1 tháng 8 năm 2014, hai cổ đông cá nhân nắm giữ 22% tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tương ứng của Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam đã ủy quyền cho Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, là người đại diện theo ủy quyền, nhân danh và thay mặt hai cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông trong Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam, qua đó nâng tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ trong Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam lên 54,14%. Theo thỏa thuận giữa các bên, văn bản ủy quyền đã hết hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do vậy, Công ty Cổ phần Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam không còn chịu quyền kiểm soát và trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

Trong năm, Tập đoàn đã tiến hành giải thể một công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm mất quyền kiểm soát VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.819.811.220
Các khoản đầu tư ngắn hạn	400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	27.648.136.497
Hàng tồn kho	17.467.291.321
Tài sản ngắn hạn khác	474.421.785
Tài sản cố định	98.975.182.868
Tài sản dở dang dài hạn	52.970.136
Các khoản đầu tư dài hạn	4.682.979.826
Tài sản dài hạn khác	4.237.325.605
Nợ ngắn hạn	(73.233.789.026)
Nợ dài hạn	(25.075.166.232)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con cấp 2	(26.296.361.854)
<hr/>	
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 tại ngày mất quyền kiểm soát	50.152.802.146
Lãi do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	1.845.786.691
<hr/>	
Giá thanh lý	51.998.588.837
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 sau khi mất quyền kiểm soát	(20.954.588.837)
<hr/>	
Tiền thu được từ thoái vốn	31.044.000.000
Khoản tiền giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(20.819.811.220)
<hr/>	
Khoản tiền thuần tăng lên do thoái vốn đầu tư vào công ty con	10.224.188.780
<hr/>	

Lãi phát sinh do mất quyền kiểm soát tại các công ty con được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Thuyết minh 37).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	16.920.805.207	12.983.910.580
Tiền gửi ngân hàng	283.754.219.697	301.819.970.668
Tiền đang chuyển	134.323.700	-
Các khoản tương đương tiền	1.290.242.498.622	1.181.515.157.071
	<hr/> 1.591.051.847.226	<hr/> 1.496.319.038.319

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 7.562 triệu VND (1/1/2018: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 24(a)).

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm 135.637 triệu VND (1/1/2018: 142.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân	-	-	-	-
			47.062.178.000	51.893.887.500

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chi nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	530.964.535.704	543.493.025.325	673.314.344.818	684.321.092.644
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	1.105.000.000	(**)	4.905.000.000	(**)
▪ Trái phiếu	2.200.000.000	(**)	1.000.000.000	(**)
	<u>3.305.000.000</u>		<u>5.905.000.000</u>	

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 1% đến 7,3% (2017: từ 1% đến 7,2%) một năm.

(ii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,3% đến 6,7% (2017: từ 6,2% đến 6,6%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018				1/1/2018			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết								
▪ Tổng Công ty May 10 - CTCP	33,82%	33,82%	64.199.589.933	(*)	33,82%	33,82%	63.109.850.824	(*)
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	388.508.188.710	(*)	30,40%	30,40%	358.401.200.761	(*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	133.278.207.241	(*)	46,93%	46,93%	191.737.465.836	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	30.532.399.417	(*)	27,00%	27,00%	30.072.867.458	(*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	89.723.687.471	(*)	27,69%	27,69%	87.465.848.519	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Đức Giang	35,20%	35,20%	45.042.195.764	(*)	35,20%	35,20%	41.480.458.036	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	114.913.854.882	(*)	35,01%	35,01%	98.233.343.941	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	40,40%	40,40%	85.375.621.301	(*)	30,00%	30,00%	85.229.836.420	(*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	432.023.595.402	(*)	17,86%	17,86%	353.406.378.107	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	141.253.222.287	(*)	22,05%	22,05%	142.760.307.656	(*)
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			394.534.396.892	(*)			436.709.316.701	(*)
			1.919.384.959.300				1.888.606.874.259	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2018		1/1/2018		Giá trị hợp lý VND	
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND		Giá trị ghi số VND
Đơn vị khác						
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>						
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	1.348.555.000	-
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>						
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	19.583.559.975	-
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
▪ Các khoản đầu tư khác			204.995.374.093	(25.795.282.748)	210.784.699.562	(21.700.466.319)
			<u>245.927.489.068</u>	<u>(25.795.282.748)</u>	<u>251.716.814.537</u>	<u>(21.700.466.319)</u>

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chi nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 205.403 triệu VND (1/1/2018: 206.403 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	1.888.606.874.259	1.850.568.941.017
Tăng trong năm	21.404.807.582	10.397.506.108
Lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết	672.651.827.830	545.092.625.913
Cổ tức được chia	(576.451.161.937)	(440.641.498.854)
Thanh lý các công ty liên kết	(85.812.886.145)	(68.730.438.809)
Giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại một số công ty liên kết giảm	(1.014.502.289)	(4.380.261.116)
Khác	-	(3.700.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.919.384.959.300	1.888.606.874.259

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan (*)	178.919.651.229	155.427.636.306
Phải thu các khách hàng khác	2.148.149.518.847	1.898.893.553.936
	<hr/>	<hr/>
	2.327.069.170.076	2.054.321.190.242

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản phải thu khách hàng có giá trị số là 418.212 triệu VND (1/1/2018: 339.286 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	68.972.221.743	61.133.310.622
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	67.594.048.784	68.330.000.504
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	42.316.046.239	-
Các công ty liên quan khác	37.334.463	25.964.325.180
	<hr/>	<hr/>
	178.919.651.229	155.427.636.306
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	-	2.500.000.000
Các công ty liên quan khác	1.470.042.156	1.470.042.156
Bên khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	161.600.000.000	157.300.000.000
Các công ty khác	9.452.400.000	857.400.000
	<hr/>	<hr/>
	172.522.442.156	162.127.442.156
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất dao động từ 6,5% đến 11% (2017: từ 6,5% đến 12,5%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	505.264.408.312	376.554.545.668
Phải thu lãi cho vay	130.356.488.347	171.464.480.347
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	20.000.000.000	45.655.996.176
Phải thu các khoản tạm ứng	50.363.943.192	38.438.829.241
Ký cược, ký quỹ	60.082.705.035	41.286.433.898
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	29.669.163.880	41.836.522.880
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	24.727.366.823	15.187.840.986
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	12.528.489.621	11.006.747.826
Phải thu người lao động	1.204.483.872	1.689.721.048
Phải thu về cổ phần hóa	-	6.123.199.277
Các khoản chi hộ	2.884.767.953	7.088.237.176
Phải thu tiền cho thuê đất trong KCN Dệt May Phố Nối B	1.572.731.629	3.649.410.571
Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh từ Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	3.242.551.090
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	5.793.421.544	2.924.339.219
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm đang chờ xử lý	11.480.107.451	15.721.527.834
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu được hoàn	-	1.375.785.827
Phải thu tiền chuyển nhượng dự án Lê Minh Xuân	-	1.300.000.000
Phải thu khác	44.615.637.274	61.494.555.134
	<hr/>	<hr/>
	903.786.266.023	846.040.724.198

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	195.000.000.000	136.000.000.000
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	12.600.000.000	10.080.000.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	46.920.720.000	40.217.760.000
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	16.602.062.400	14.230.339.200
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	98.550.000.000	24.637.500.000
Các công ty liên quan khác	36.522.953.200	22.595.863.610
	<hr/> 406.195.735.600	<hr/> 247.761.462.810

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (i)	268.532.895.759	434.257.522.603
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	119.322.594.796	119.322.594.796
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	208.451.853.740	286.448.868.412
Ký quỹ, ký cược dài hạn	44.963.966.346	47.039.359.714
Phải thu dài hạn khác	34.480.498.159	50.427.650.511
	<hr/> 675.751.808.800	<hr/> 937.495.996.036

(i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Dự án Khu Công nghiệp Đồng Mai	225.000.000.000	250.000.000.000
Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân	43.532.895.759	43.532.895.759
Dự án Trung Thủy	-	13.480.695.000
Dự án Khu nhà ở công nhân Phước Long B	-	127.243.931.844
	<hr/> 268.532.895.759	<hr/> 434.257.522.603

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2018			1/1/2018				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	34.945.572.750	(34.945.572.750)	-	Trên 3 năm	35.500.072.750	(34.961.801.031)	538.271.719
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.343.792.764	(40.293.065.415)	50.727.349	Trên 3 năm	40.343.792.764	(39.966.906.135)	376.886.629
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	Trên 3 năm	29.931.566.760	(29.931.566.760)	-	Trên 3 năm	29.931.566.760	(29.931.566.760)	-
Các khách hàng khác	Trên 2 năm	227.110.520.085	(219.587.502.939)	7.523.017.146	Trên 2 năm	224.633.245.898	(191.357.183.069)	33.276.062.829
		332.331.452.359	(324.757.707.864)	7.573.744.495		330.408.678.172	(296.217.456.995)	34.191.221.177
Nợ trong hạn nhưng khó có khả năng thu hồi								
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương		119.322.594.796	(119.322.594.796)	-		119.322.594.796	(119.322.594.796)	-
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(324.757.707.864)				(296.217.456.995)	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(119.322.594.796)				(119.322.594.796)	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Hàng tồn kho**

	31/12/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	241.188.774.983	-
Nguyên vật liệu	1.716.295.046.898	(25.800.856.949)
Công cụ và dụng cụ	13.333.729.930	(38.649.660)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.443.684.496.374	(6.432.009.319)
Thành phẩm	1.307.155.004.277	(85.233.153.971)
Hàng hóa	54.894.043.096	(1.958.173.477)
Hàng gửi đi bán	186.611.094.356	-
	4.963.162.189.914	(119.462.843.376)
	1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	127.903.966.072	(420.248.993)
Nguyên vật liệu	1.215.794.223.309	(13.173.645.546)
Công cụ và dụng cụ	12.041.859.534	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.313.480.764.813	-
Thành phẩm	907.116.605.338	(76.690.032.363)
Hàng hóa	44.712.721.460	(2.216.957.587)
Hàng gửi đi bán	108.845.501.039	-
	3.729.895.641.565	(92.500.884.489)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 837.054 triệu VND (1/1/2018: 684.423 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 487.823 triệu VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2018: 140.129 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	3.314.192.507.950	8.359.806.984.347	322.967.926.530	93.816.516.276	145.850.658.984	12.236.634.594.087
Tăng trong năm	40.060.302.435	292.212.663.209	26.583.802.317	4.596.997.242	5.833.344.778	369.287.109.981
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang	485.362.615.483	827.132.722.093	47.786.415.341	9.405.979.612	17.939.468.333	1.387.627.200.862
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tại chính	-	9.934.553.636	-	-	-	9.934.553.636
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn Thanh lý	(334.927.346)	(12.283.911.171)	(42.000.000)	(1.470.354.234)	-	(14.131.192.751)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(3.282.329.999)	(154.663.722.474)	(12.911.421.438)	(8.429.155.531)	(911.933.565)	(180.198.563.007)
Phân loại lại	(79.139.828.235)	(80.682.539.842)	(8.804.878.494)	(1.134.074.914)	(3.337.396.959)	(173.098.718.444)
	(4.802.887.899)	18.686.000.860	(12.512.009.731)	1.153.422.417	(2.524.525.647)	-
Số dư cuối năm	3.752.055.452.389	9.260.142.750.658	363.067.834.525	97.939.330.868	162.849.615.924	13.636.054.984.364

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.115.569.267.619	4.408.948.896.675	185.565.871.178	52.048.728.271	81.451.862.264	5.843.584.626.007
Khấu hao trong năm	159.854.327.671	633.800.053.094	34.143.396.681	7.888.006.451	16.989.850.561	852.675.634.458
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	5.765.324.717	-	-	-	5.765.324.717
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(168.848.871)	(9.282.292.592)	(42.000.000)	(1.467.178.590)	-	(10.960.320.053)
Thanh lý	(1.412.156.279)	(137.078.749.206)	(13.039.707.007)	(6.298.253.356)	(854.138.503)	(158.683.004.351)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(22.174.595.255)	(44.869.365.400)	(4.508.593.360)	(731.998.354)	(2.214.385.329)	(74.498.937.698)
Phân loại lại	(731.017.716)	2.775.524.385	(3.317.888.329)	1.697.440.689	(424.059.029)	-
Số dư cuối năm	1.250.936.977.169	4.860.059.391.673	198.801.079.163	53.136.745.111	94.949.129.964	6.457.883.323.080
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	2.198.623.240.331	3.950.858.087.672	137.402.055.352	41.767.788.005	64.398.796.720	6.393.049.968.080
Số dư cuối năm	2.501.118.475.220	4.400.083.358.985	164.266.755.362	44.802.585.757	67.900.485.960	7.178.171.661.284

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản cố nguyên giá 1.702.144 triệu VND (1/1/2018: 1.729.352 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 5.821 triệu VND (1/1/2018: 5.672 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.746.807 triệu VND (1/1/2018: 4.849.985 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	54.678.623.440	1.198.728.546	55.877.351.986
Tăng trong năm	8.068.221.050	-	8.068.221.050
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.934.553.636)	-	(9.934.553.636)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	9.154.831.169	-	9.154.831.169
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	61.967.122.023	1.198.728.546	63.165.850.569
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.951.278.920	19.978.810	10.971.257.730
Khấu hao trong năm	3.577.054.903	119.872.860	3.696.927.763
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.765.324.717)	-	(5.765.324.717)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.763.009.106	139.851.670	8.902.860.776
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	43.727.344.520	1.178.749.736	44.906.094.256
Số dư cuối năm	53.204.112.917	1.058.876.876	54.262.989.793

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	146.230.989.485	17.683.114.671	1.685.828.911	165.599.933.067
Tăng trong năm	3.641.795.200	1.202.261.451	315.832.689	5.159.889.340
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	720.000.000	-	720.000.000
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-	(839.481.904)	-	(839.481.904)
Thanh lý	(123.419.087)	(442.866.173)	-	(566.285.260)
Số dư cuối năm	149.749.365.598	18.323.028.045	2.001.661.600	170.074.055.243
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	21.359.515.116	10.912.747.057	613.868.721	32.886.130.894
Khấu hao trong năm	2.769.378.116	2.493.735.868	169.046.788	5.432.160.772
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-	(464.079.782)	-	(464.079.782)
Thanh lý	-	(442.866.173)	-	(442.866.173)
Số dư cuối năm	24.128.893.232	12.499.536.970	782.915.509	37.411.345.711
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	124.871.474.369	6.770.367.614	1.071.960.190	132.713.802.173
Số dư cuối năm	125.620.472.366	5.823.491.075	1.218.746.091	132.662.709.532

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản cố nguyên giá 7.025 triệu VND (1/1/2018: 6.599 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Hạ tầng khu công nghiệp VND	Nhà cửa VND	Vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	138.708.893.771	54.112.959.020	1.381.963.673	194.203.816.464
Tăng trong năm	51.652.384.945	181.970.000	-	51.834.354.945
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	831.565.455	-	831.565.455
Giảm giá trị tương ứng với các hợp đồng cho thuê lại đất ghi nhận doanh thu một lần	(35.210.905.344)	-	-	(35.210.905.344)
Thanh lý	-	(341.101.872)	-	(341.101.872)
Số dư cuối năm	155.150.373.372	54.785.392.603	1.381.963.673	211.317.729.648
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	5.410.457.315	21.981.167.889	559.745.406	27.951.370.610
Khấu hao trong năm	2.977.178.981	2.013.153.484	178.135.637	5.168.468.102
Thanh lý	-	(317.532.852)	-	(317.532.852)
Số dư cuối năm	8.387.636.296	23.676.788.521	737.881.043	32.802.305.860
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	133.298.436.456	32.131.791.131	822.218.267	166.252.445.854
Số dư cuối năm	146.762.737.076	31.108.604.082	644.082.630	178.515.423.788

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam là một số nhà kho, nhà xưởng, và trạm biến áp tại Ấp Tân Thái, Xã Hồ Nai 3, Huyện Tráng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và căn hộ chung cư New Town Số 69, Đường 18, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là các căn hộ cho thuê tại Chung cư Nhân Phú, Số 26, Đường 7, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	1.292.091.470.162	1.132.142.569.223
Tăng trong năm	847.132.200.296	1.388.300.177.672
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.387.627.200.862)	(1.207.737.632.978)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	23.787.933.446
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(720.000.000)	(568.167.311)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(831.565.455)	(2.098.032.252)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(50.380.962.588)	(41.735.377.638)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(9.154.831.169)	-
Số dư cuối năm	690.509.110.384	1.292.091.470.162

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ		
• Nhà máy Sợi Nam Định	17.326.009.802	17.326.009.802
• Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	-	6.714.821.764
• Nhà máy May Tuyên Quang	-	10.205.514.823
• Dự án Khu liên hợp Sợi - Dệt - Nhuộm - May Quảng Nam	116.759.471.318	66.631.675.190
• Nhà máy sợi 2	-	7.492.867.447
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
• Nhà máy Sợi 2	214.563.787.967	25.081.766.428
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
• Dự án Nhà máy May	3.099.914.454	7.352.934.720
• Văn phòng Ngô Thì Nhậm	36.669.233.014	33.091.419.029
• Nhà máy Sợi Hưng Yên	5.973.859.190	5.965.179.674
• Dự án Nhà máy Sản xuất vải Vinafa	30.768.928.375	36.539.190.329
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam		
• Trang trại trồng bông công nghệ cao Đắk Lắk	12.493.091.904	12.493.091.904
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
• Đầu tư thiết bị Nhà máy Sợi 1	-	22.487.064.840
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
• Công trình Nhà máy May 4	-	25.586.075.448
• Nhà máy Dệt Nhuộm	10.500.489.959	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
• Nhà máy Kéo sợi tại KCN Đồng Văn	-	13.541.906.107
▪ Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam - Hanosimex		
• Công trình xây dựng Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam Hanosimex	17.290.017.451	27.096.301.744
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động Lực	577.844.086	337.053.941
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	13.262.879.215	13.297.821.982
• Xây dựng Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc		311.604.799.059
• Các công trình khác	8.668.283.501	2.292.907.146
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
• Dự án khu nhà ở, trung tâm thương mại và siêu thị	63.028.648.030	54.972.495.289
▪ Công ty Cổ phần Bông Việt Nam		
• Dự án công nghệ sinh học	2.238.168.619	2.238.168.619
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú		
• Thi công xây dựng Xưởng dệt Jacquard	-	1.307.130.682
• Xưởng chuẩn bị	-	3.772.708.095
• Máy móc thiết bị	7.587.033.077	12.814.921.061
• Thi công hệ thống cơ điện dệt Ninh Thuận	-	5.068.821.524
• Hệ thống xử lý nước thải Dệt - Nhuộm giai đoạn 2 mở rộng	-	7.514.461.613

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
• Phân xưởng may	5.217.294.875	4.454.392.728
• Khuôn viên nhà 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Lâm Đồng - Đà Lạt	6.993.979.466	35.858.232.996
• Dự án Khăn bông và Vải denim	16.139.806.496	273.345.490.172
• Dự án đầu tư khu du lịch nghỉ dưỡng Phong Phú - Lagi - Bình Thuận	3.710.986.028	3.682.535.775
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex		
• Nhà cửa	-	2.706.071.236
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex		
• Nhà máy May Tuyên Quang	-	175.715.028.726
▪ Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối		
• Hệ thống xử lý nước thải	16.061.813.845	8.555.268.633
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Hoàng Thị Loan		
• Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	25.863.971.739	-
▪ Các công trình khác	55.713.597.973	54.947.341.636
	<hr/> 690.509.110.384	<hr/> 1.292.091.470.162 <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 583.224 triệu VND (1/1/2018: 801.334 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 1.893 triệu VND (2017: 14.277 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trả trước phí bảo hiểm	4.297.869.772	2.761.209.173
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	4.124.839.490	10.755.761.228
Công cụ dụng cụ	9.636.495.306	11.443.020.281
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.626.108.977	8.936.050.953
	26.685.313.545	33.896.041.635

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí hoạt động trước VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà máy trả trước VND	Công cụ, dụng cụ VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	450.726.244	189.709.963.374	51.760.559.658	72.757.306.767	16.376.996.936	29.305.787.305	12.116.851.492	57.572.043.031	430.050.234.807
Tăng trong năm	-	7.855.261.575	1.473.863.635	37.488.672.695	9.057.588.150	13.949.900.287	-	31.997.050.843	101.822.337.185
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	29.577.366.825	-	9.959.015.393	-	10.844.580.370	50.380.962.588
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	3.170.872.698	-	-	-	-	3.170.872.698
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	-	(116.328.920)	(3.104.758.808)	-	(77.538.731)	-	(938.699.146)	(4.237.325.605)
Phân bổ trong năm	(450.726.244)	(9.875.770.352)	(32.504.824.826)	(62.512.820.427)	(10.582.268.765)	(20.383.704.182)	(3.029.212.872)	(43.823.915.141)	(183.163.242.809)
Phân loại lại	-	292.852.194	11.424.583.111	(644.217.895)	78.448.758	1.344.859.614	-	(12.496.525.782)	-
Số dư cuối năm	-	187.982.306.791	32.037.852.658	76.732.421.855	14.930.765.079	34.098.319.686	9.087.638.620	43.154.534.175	398.023.838.864

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	1.479.176.660	1.479.176.660
Các khoản mục khác	20%	4.514.194.066	4.235.883.352
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		5.993.370.726	5.715.060.012
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	55.700.980.180	61.104.288.874
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		55.700.980.180	61.104.288.874

20. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm và cuối năm	57.604.599.256
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	42.138.380.861
Khấu hao trong năm	12.379.839.439
Số dư cuối năm	54.518.220.300
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	15.466.218.395
Số dư cuối năm	3.086.378.956

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Phải trả người bán**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
▪ Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	105.086.780.392	120.145.782.691
▪ Phải trả người bán khác	1.207.353.456.338	1.040.808.452.090
	<hr/>	<hr/>
	1.312.440.236.730	1.160.954.234.781
	<hr/>	<hr/>
Phải trả người bán dài hạn		
▪ Phải trả người bán khác	-	26.861.482.870
	<hr/>	<hr/>

(*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các công ty liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	51.230.741.233	32.205.772.689
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	14.415.837.714	20.063.845.758
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	-	57.978.960.944
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	39.316.412.046	-
Các công ty liên quan khác	123.789.399	9.897.203.300
	<hr/>	<hr/>
	105.086.780.392	120.145.782.691
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2018 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.559.535.672	4.296.357.757	(1.565.250.038)	11.290.643.391
Thuế xuất nhập khẩu	5.722.652.743	11.158.570.539	(15.730.302.621)	1.150.920.661
Thuế nhà đất	18.487.194	-	(18.487.194)	-
Các loại thuế khác	497.193.925	2.397.868.072	(200.170.453)	2.694.891.544
Các khoản khác				
Các khoản khác	15.256.068.562	341.265.406	(15.510.599.749)	86.734.219
	30.053.938.096	18.194.061.774	(33.024.810.055)	15.223.189.815

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	25.866.050.758	601.346.332.520	(601.124.346.024)	26.088.037.254
Thuế xuất nhập khẩu	-	4.616.198.031	(4.616.198.031)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.256.823.728	64.466.255.476	(64.959.856.082)	17.763.223.122
Thuế thu nhập cá nhân	9.382.672.596	33.307.035.961	(35.302.229.589)	7.387.478.968
Thuế tài nguyên	135.718.223	2.021.280.704	(2.012.199.274)	144.799.653
Thuế nhà đất	13.754.553.417	422.661.186	(425.113.425)	13.752.101.178
Tiền thuê đất	16.086.494.345	51.680.776.557	(50.616.353.577)	17.150.917.325
Các loại thuế khác	-	8.287.896.579	(8.242.842.815)	45.053.764
	83.482.313.067	766.148.437.014	(767.299.138.817)	82.331.611.264

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Chi phí phải trả****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	49.622.386.642	35.396.461.795
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	6.244.307.466	32.358.350.533
Chi phí gia công thuê ngoài	4.841.847.649	3.796.303.841
Phí hoa hồng	7.078.538.027	2.004.942.997
Chi phí cải tạo, sửa chữa	20.604.944.282	7.025.427.734
Chi phí hoạt động	5.312.805.942	8.165.119.778
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	4.904.976.118	2.540.537.817
Chi phí phải trả khác	12.862.855.871	16.474.838.728
	<hr/>	<hr/>
	111.472.661.997	107.761.983.223
Chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	<hr/>	<hr/>
	112.421.333.997	108.710.655.223

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	25.614.144.000	26.562.816.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	<hr/>	<hr/>
	24.665.472.000	25.614.144.000

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 50 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 14 tháng 3 năm 2055) được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo năm 2012 của Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	360.509.747.843	363.057.205.021
Phải trả cổ tức	73.126.676.721	19.924.764.313
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	35.792.081.114	34.171.117.244
Tiền bồi thường đất phải trả Nhà nước liên quan đến giải phóng mặt bằng	-	16.637.208.401
Phải trả lãi vay cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	20.117.470.886	20.334.104.264
Phải trả lãi vay khác	14.237.106.733	24.950.134.767
Quỹ từ thiện	4.070.700.155	5.680.518.491
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN	7.562.091.012	7.562.091.012
Phải trả về cổ phần hóa	5.705.200.229	5.919.084.298
Phải trả tiền hỗ trợ xây dựng nhà máy	11.986.748.090	-
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	439.607.118	1.503.100.532
Các khoản phải trả khác	70.601.642.335	73.035.674.515
	604.149.072.236	572.775.002.858

(*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ ("Công văn 17623"). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	45.037.427.000	45.037.427.000
Nhận góp vốn dài hạn	6.826.000.000	6.826.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	14.212.500.000	26.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	21.005.654.052	25.433.296.552
	<hr/> 87.081.581.052	<hr/> 103.509.223.552

(*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án Xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại số 67 Phố Ngõ Thì Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

25. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Doanh thu nhận trước	239.723.692.421	219.500.332.793
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(6.481.730.833)	(6.147.064.252)
	<hr/> 233.241.961.588	<hr/> 213.353.268.541

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuế tài chính

(a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	1/1/2018		Biến động trong năm		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	4.232.532.104.576	4.232.532.104.576	14.618.310.261.954	(13.844.022.475.124)	5.006.819.891.406	5.006.819.891.406
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 26(b)(i))	459.059.762.177	459.059.762.177	445.838.796.176	(334.899.800.115)	569.998.758.238	569.998.758.238
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 26(b)(ii))	114.000.000.000	114.000.000.000	130.000.000.000	(114.000.000.000)	130.000.000.000	130.000.000.000
Nợ gốc thuế tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	20.003.297.190	20.003.297.190	20.135.378.560	(20.011.258.918)	20.127.416.832	20.127.416.832
Nợ dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	880.410.000	880.410.000	880.410.000	(880.410.000)	880.410.000	880.410.000
	4.826.475.573.943	4.826.475.573.943	15.215.164.846.690	(14.313.813.944.157)	5.727.826.476.476	5.727.826.476.476

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, trong khoản vay ngắn hạn có 2.062.111 triệu VND (1/1/2018: 1.651.251 triệu VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tổng cộng là 2.340.107 triệu VND (1/1/2018: 1.704.664 triệu VND) (Thuyết minh 6, 8, 12, 13 và 17). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 1,3% đến 10,5% (2017: 1,3% đến 10%) một năm.

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 1,3% đến 9,5% (2017: từ 1,2% đến 7%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	5.150.463.976.252	5.298.678.876.949
Trái phiếu thường (ii)	130.000.000.000	314.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	38.082.409.758	39.544.024.794
Nợ dài hạn khác	35.865.983.097	30.201.230.152
	<hr/>	<hr/>
	5.354.412.369.107	5.682.424.131.895
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(721.006.585.070)	(593.943.469.367)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	4.633.405.784.037	5.088.480.662.528
	<hr/>	<hr/>

(i) Vay dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, trong khoản vay dài hạn có 2.508.432 triệu VND (1/1/2018: 4.931.780 triệu VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 5.586.230 triệu VND (1/1/2018: 5.091.018 triệu VND) (Thuyết minh 6, 8, 12, 13 và 17). Các khoản vay này chịu lãi suất từ 2,5% đến 11% (2017: Từ 2,5% đến 11%) một năm.

Các khoản vay dài hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 1,3% đến 11% (2017: từ 2,5% đến 10%) một năm.

Trong khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ là 1.626.827 triệu VND (1/1/2018: 1.592.255 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(ii) Trái phiếu thường**

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	VND	10%	2019	130.000.000.000	314.000.000.000
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng				(130.000.000.000)	(114.000.000.000)
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				-	200.000.000.000

Trái phiếu thường được phát hành bởi Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Các trái phiếu thường này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại các công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam và Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang với tổng giá trị ghi sổ là 164.403 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 164.403 triệu VND). Theo các điều khoản của trái phiếu đã phát hành, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể thỏa thuận với các nhà đầu tư để mua lại các trái phiếu này trước ngày đáo hạn.

27. Dự phòng phải trả

Biến động của các khoản dự phòng phải trả trong năm như sau:

	Chi phí di dời VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	68.001.284.965	2.980.966.750	70.982.251.715
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(305.874.125)	(305.874.125)
Số dư cuối năm	68.001.284.965	2.675.092.625	70.676.377.590
<i>Trong đó:</i>			
Dự phòng phải trả dài hạn	68.001.284.965	2.675.092.625	70.676.377.590

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	155.227.742.100	139.521.407.812
Trích lập trong năm	83.806.048.575	77.117.310.550
Sử dụng trong năm	(87.940.806.372)	(61.410.976.262)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	151.092.984.303	155.227.742.100

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1/1/2017	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguyên vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguyên kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
Vốn góp/vốn cổ phần	5.000.000.000,000	29.911.650,892	42.248.630,739	(742.835.089,736)	457.818,876,459	10.981.645,059	555.190.797,152	553.877.792,360	1.651.984.049,504	7.559.178.352,429	35.292.181,611	7.594.470.534,040
Nguyên kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	20.893,610,000	20.893,610,000	-	20.893,610,000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	385.955,506,114	-	299.218,033,522	685.173,539,636	-	685.173,539,636
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	36.643,029,218	-	(36.643,029,218)	-	(23.283,314,438)	(77.117,310,550)	-	(77.117,310,550)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(53.833,996,112)	-	(151,406,533,922)	(401,406,533,922)	(2,316,322,803)	(2,316,322,803)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	(250,000,000,000)	-	11,155,526,487	11,155,526,487	-	11,155,526,487
Có tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm do mất quyền kiểm soát tài các công ty con	-	-	-	-	-	-	(31,976,003,599)	-	31,976,003,599	(8,987,337,696)	(553,206,786)	(9,540,544,482)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con	-	-	-	-	-	-	784,117,372	(3,200,000,128)	(6,571,454,940)	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2018	5.000.000.000,000	29.911.650,892	42.248.630,739	(742.835.089,736)	494.461.905,677	10.981.645,059	569.477.391,709	550.677.792,232	1.833.965.919,812	7.788.889.846,384	32.422.652,022	7.821.312.498,406
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-	14,840,260,000	14,840,260,000	-	14,840,260,000
Nguyên kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	39,992,602	-	94,652,898	134,645,500	-	134,645,500
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	438,096,563,180	-	264,519,488,598	702,616,051,778	-	702,616,051,778
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	35,402,656,207	-	(35,402,656,207)	-	(16,366,009,351)	(83,806,048,575)	-	(83,806,048,575)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(67,440,039,224)	-	(2,249,162,860)	2,472,634,840	-	2,472,634,840
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	2,472,634,840	(4,009,127,492)	-	(250,000,000,000)	-	(171,321,716,491)	(421,321,716,491)	(2,041,627,020)	(8,299,917,372)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	(26,296,361,854)	(26,296,361,854)	-	(26,296,361,854)
Có tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty liên kết làm thay đổi ảnh hưởng đáng kể với các công ty liên kết này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con	-	-	-	-	-	-	(4,635,975,634)	-	-	(4,635,975,634)	-	(4,635,975,634)
Phân loại lại	-	-	-	-	-	(10,981,645,059)	(1,243,138,174)	-	1,243,138,174	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	891,109,567	-	(2,678,937,761)	-	870,703,308	(917,124,886)	-	(917,124,886)
Số dư tại ngày 31/12/2018	5.000.000.000,000	29.911.650,892	42.248.630,739	(740,362,454,896)	526,746,543,959	-	657,194,845,550	550,677,792,232	1,899,300,912,234	7,965,717,920,710	30,381,025,002	7,996,098,945,712

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phân hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển thành công ty cổ phần. Do phân vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phân ảnh theo giá gốc của khoản đầu tư chứ không phải giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	31/12/2018 và 1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành					
	31/12/2018	1/1/2018				
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu		
				VND		
				%		
Nhà nước	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX (trước là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam) (*)	35.000.000	350.000.000.000	7,00%	70.000.000	700.000.000.000	14,00%
Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	50.000.000	500.000.000.000	10,00%	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
ITOCHU Textile Prominent (ASIA) Limited	65.000.000	650.000.000.000	13,00%	15.000.000	150.000.000.000	3,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	52.561.900	525.619.000.000	10,51%	67.561.900	675.619.000.000	13,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

(*) Đây là các cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ chấp thuận cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX được chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu trước thời hạn. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần theo đúng các quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX đã chuyển nhượng 35.000.000 cổ phiếu cho các bên khác.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2017 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá) (2017: 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá)). Tại thời điểm phát hành báo cáo hợp nhất này, cơ quan đại diện chủ sở hữu Vốn Nhà nước chưa có văn bản chấp thuận phương án chia cổ tức năm 2017 của Tập đoàn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các Cổ đông, Tập đoàn đã tạm ứng cổ tức năm 2017 là 200.000 triệu VND (tỷ lệ 4% trên mệnh giá).

32. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

33. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất		
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	235.664.195.144	235.664.195.144
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
Nguồn khác	7.584.947.009	7.584.947.009
	550.677.792.232	550.677.792.232

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng một năm	24.233.316.886	32.834.581.588
Trong vòng hai đến năm năm	107.993.093.534	78.705.982.640
Sau năm năm	130.799.476.066	81.020.199.791
	263.025.886.486	192.560.764.019

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	5.884.734	135.819.847.264	4.363.002	98.786.400.235
EUR	28.888	831.597.075	2.206	59.430.844
		136.651.444.339		98.845.831.079

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác			15.622.379.174	14.234.657.116
			26.036.550.617	24.648.828.559

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	476.992.292.584	697.661.809.901
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	114.835.947.603	109.170.049.757
	<hr/> 591.828.240.187	<hr/> 806.831.859.658

35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	18.501.536.811.163	16.694.991.510.755
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	448.776.497.321	489.059.310.222
▪ Cho thuê lại đất thuê	92.108.480.326	201.971.474.567
▪ Bán và cho thuê bất động sản	93.735.861.183	82.630.143.361
	<hr/> 19.136.157.649.993	<hr/> 17.468.652.438.905
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(17.819.148.482)	(15.569.821.994)
▪ Giảm giá hàng bán	(1.952.050.680)	(2.544.794.496)
▪ Hàng bán bị trả lại	(14.920.318.663)	(3.994.022.473)
	<hr/> (34.691.517.825)	<hr/> (22.108.638.963)
Doanh thu thuần	<hr/> 19.101.466.132.168	<hr/> 17.446.543.799.942

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Giá vốn hàng bán**

	2018 VND	2017 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	16.816.028.775.628	15.307.517.382.800
▪ Dịch vụ đã cung ứng	303.152.631.900	357.429.906.675
▪ Cho thuê lại đất thuê	61.172.188.444	118.640.627.433
▪ Bán và cho thuê bất động sản	93.151.186.176	55.041.321.809
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	26.961.958.887	15.877.791.760
	<hr/> 17.300.466.741.035	<hr/> 15.854.507.030.477

37. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	136.801.660.753	174.500.933.786
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	63.547.530.135	3.122.184.622
Cổ tức được chia	24.188.298.245	22.005.462.487
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	75.524.687.584	50.864.552.453
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.544.418.686	8.669.020.921
Thu nhập tiền lãi từ các khoản trả chậm	-	2.765.978.263
Lãi do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	1.845.786.691	32.647.549.303
Lãi do thanh lý công ty liên kết	7.181.233.855	22.749.912.280
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.800.614.908	569.325.827
	<hr/> 324.434.230.857	<hr/> 317.894.919.942

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***38. Chi phí tài chính**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	457.300.477.034	356.407.134.776
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	11.879.251.337	-
Lỗ do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	-	4.380.261.116
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	95.946.585.244	26.177.292.294
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	66.595.352.522	4.375.375.063
Lãi thanh toán chậm	-	280.714.194
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4.094.816.429	6.270.072.146
Chi phí tài chính khác	8.068.969.965	8.375.379.220
	<hr/>	<hr/>
	643.885.452.531	406.266.228.809

39. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	77.472.886.558	65.669.272.539
Chi phí công cụ và dụng cụ	10.361.164.693	10.712.509.381
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.246.679.088	1.657.845.282
Chi phí vận chuyển	156.327.690.135	164.984.106.679
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	7.899.512.082	11.161.014.680
Chi phí xuất nguyên vật liệu	387.792.721	132.598.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.188.682.429	147.199.240.123
Chi phí bao bì	37.894.504.169	30.765.396.129
Chi phí hoa hồng	32.958.922.815	28.129.860.550
Chi phí xuất nhập khẩu	20.550.788.943	19.864.287.951
Chi phí bán hàng khác	60.274.492.553	66.332.751.456
	<hr/>	<hr/>
	536.563.116.186	546.608.882.782

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***40. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên văn phòng	425.138.500.518	398.224.621.838
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	29.376.940.546	32.651.751.483
Chi phí khấu hao và phân bổ	49.694.561.860	43.221.803.754
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	28.540.250.869	35.392.322.383
Thuế, phí và lệ phí	40.232.416.559	46.094.072.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.424.326.981	105.936.424.026
Tiền thuê đất	25.243.148.057	28.294.062.682
Công tác phí	25.651.405.715	32.331.518.843
Chi phí tiếp khách	16.715.792.217	21.322.079.549
Chi phí đào tạo	5.006.306.553	4.288.112.181
Chi phí khác	146.971.636.904	122.739.813.407
	893.995.286.779	870.496.583.100

41. Thu nhập khác

	2018 VND	2017 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản dài hạn	25.956.046.623	17.108.811.266
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	18.551.002.556	63.533.102.391
Bán phế liệu	311.881.302	1.879.417.183
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	2.131.292.893	2.348.181.220
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.780.266.580	18.889.547.988
Nợ phải trả được xóa tại một công ty con của Tập đoàn sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng (*)	76.095.142.053	-
Hoàn nhập dự phòng phải trả dài hạn	-	21.746.532.454
Thu từ các khoản khác	23.253.178.820	29.507.832.370
	148.078.810.827	155.013.424.872

(*) Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn Dệt may Việt Nam, đã tiến hành giải phóng mặt bằng dự án xây dựng nhà xưởng Thăng Lợi cho Onshine Investment Ltd., một bên thứ ba, với thỏa thuận Onshine Investment Ltd. sẽ xóa khoản vay 76 tỷ VND cho Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú sau khi việc giải phóng mặt bằng hoàn tất. Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng nói trên với tổng chi phí phát sinh tương ứng là 61.8 tỷ VND (Thuyết minh 42).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***42. Chi phí khác**

	2018 VND	2017 VND
Lỗi do thanh lý tài sản dài hạn và chi phí thanh lý	21.662.546.763	1.601.800.368
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	6.911.512.493	4.859.459.717
Phạt vi phạm thuế	675.667.628	5.742.378.719
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	2.000.307.685	3.228.075.727
Chi phí giải phóng mặt bằng (Thuyết minh 41)	61.818.181.818	-
Chi các khoản khác	17.251.500.918	22.764.487.342
	110.319.717.305	38.196.201.873

43. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	7.437.872.535.983	6.383.934.692.246
Chi phí nhân viên	3.773.920.302.859	3.447.437.226.685
Chi phí khấu hao	889.228.800.886	770.418.177.919
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.602.771.918.166	2.619.080.623.634
Chi phí khác	1.805.815.750.908	1.179.048.883.910

44. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	63.802.192.490	64.000.483.446
Dự phòng thiếu trong những năm trước	664.062.986	1.095.877.308
	64.466.255.476	65.096.360.754
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(5.681.619.408)	(1.800.056.762)
	58.784.636.068	63.296.303.992

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	761.400.687.846	748.469.843.628
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	152.280.137.569	149.693.968.726
Ưu đãi thuế	(5.375.177.238)	(4.511.202.164)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(8.549.237.187)	(8.253.026.326)
Chi phí không được khấu trừ thuế	22.715.983.735	5.411.403.942
Thu nhập không bị tính thuế	(139.368.025.215)	(113.419.617.680)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(6.705.260)	(187.539.316)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	36.423.596.678	33.466.439.502
Dự phòng thiếu trong những năm trước	664.062.986	1.095.877.308
	58.784.636.068	63.296.303.992

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành áp dụng cho từng công ty.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau khi trừ đi số phần bỏ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho năm 2018 là 388.856.942.627 (2017: 385.955.506.114) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 500.000.000 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ	438.096.563.180	385.955.506.114
Số phần bỏ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(67.440.039.224)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	370.656.523.956	385.955.506.114
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	500.000.000	500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	741	772

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 67.440.039.224 VND – số đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận cho năm 2017.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng, chi tiết như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	370.656.523.956	385.955.506.114
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tàng trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (Thuyết minh 33)	55.067.779	55.067.779
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	555.067.779	555.067.779
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần	<hr/>	<hr/>
	668	695

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***46. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Các công ty liên kết		
<i>Công ty TNHH Coats Phong Phú</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	350.137.903.821	290.627.386.665
Mua hàng hóa và dịch vụ	124.584.728.295	99.928.967.195
<i>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.393.097.378	34.720.669.453
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.870.766.874	106.841.248.615
<i>Công ty Cổ phần May Bình Minh</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	350.442.726	15.054.655.277
<i>Tổng Công ty May 10 - CTCP</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	442.804.186	120.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.192.455.025	19.547.822.493
<i>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.519.327.395	1.188.525.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.859.101.643	7.158.998.015
<i>Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.930.000	27.710.952.332
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	78.409.987.432
<i>Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.580.774.139	5.085.765.028
Mua hàng hóa và dịch vụ	450.791.300	108.434.700
<i>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	49.796.399.521
<i>Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai</i>		
Mua vốn cổ phần	-	7.665.840.000
<i>Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	79.200.000	29.800.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	11.554.806.416	17.415.455.027

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Công ty Cổ phần May Hưng Yên Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	202.155.717	-
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu Khoản cho vay	95.665.454	-
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	5.072.806.508
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	12.000.000.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị Thù lao đã trả	3.345.257.204	2.413.368.000
Cơ quan Tổng Giám đốc Lương và thù lao đã trả	3.761.689.606	2.791.491.987

47. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi vay nhập gốc	2.375.511.831	29.846.866.176
Bù trừ khoản phải thu cổ tức và phải trả khác của Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	4.526.480.000	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

48. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Phụ lục 1

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
1	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	100%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
2	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	100%	100%	164.474.782.024	164.474.782.024	-	-
3	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	80,74%	80,74%	29.337.000.000	29.337.000.000	17.762.279.263	17.762.279.263
4	Công ty CP Sợi Phú Bài	66,51%	66,51%	26.922.700.000	26.922.700.000	11.081.560.000	11.081.560.000
5	Công ty CP Phát Triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	40.800.000.000	40.800.000.000	-	-
6	Tổng Công ty CP Dệt May Hoà Thọ	64,96%	64,96%	146.156.210.000	146.156.210.000	-	-
7	Công ty CP Len Việt Nam	68,77%	68,77%	27.531.200.000	27.531.200.000	1.300.000.000	1.300.000.000
8	Công ty CP Sản xuất XNK Dệt May	68,34%	68,34%	29.250.000.000	29.250.000.000	-	-
9	Công ty CP Dệt May Huế	63,90%	63,90%	63.898.240.000	63.898.240.000	-	-
10	Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	72.997.000.000	72.997.000.000	-	-
11	Công ty CP Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	27.500.000.000	27.500.000.000	-	-
12	Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex	51,00%	51,00%	37.275.000.000	37.275.000.000	-	-
13	Tổng Công ty CP Phong Phú	50,10%	50,10%	374.087.960.000	374.087.960.000	-	-
14	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	100%	100%	521.697.862.979	462.017.209.402	-	-
15	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	100%	100%	193.274.909.291	202.568.027.281	-	-
16	Công ty CP Vinatex Phú Hưng (i)	52%	-	13.000.000.000	-	-	-

(i) Đây là công ty con mới được thành lập trong năm.

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ									
1	Công ty CP Thời trang Hòa Thọ	49,94%	49,94%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
	Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam (i)	-	20,88%	-	32,14%	-	6.428.000.000	-	-
2	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	35,19%	35,19%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
3	Công ty CP May Hòa Thọ - Duy Xuyên	53,09%	53,09%	81,73%	81,73%	8.173.000.000	8.173.000.000	-	-
4	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	64,96%	64,96%	100%	100%	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
5	Công ty CP Hòa Thọ Thăng Bình	33,13%	33,13%	51,00%	51,00%	26.520.000.000	26.520.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định									
6	Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.836.200.000	2.836.200.000	-	-
7	Công ty TNHH MTV Chân Len – Dệt may Nam Định	53,67%	47,11%	100%	100%	5.000.000.000	10.513.260.000	-	-
8	Công ty CP May IV Dệt Nam Định	28,69%	28,69%	53,46%	53,46%	4.009.500.000	4.009.500.000	-	-
9	Công ty CP Dệt Khăn Dệt May Nam Định	33,59%	46,34%	62,58%	86,34%	5.632.500.000	4.317.000.000	-	-
10	Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	48,78%	48,78%	90,88%	90,88%	27.264.000.000	27.264.000.000	-	-
	Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định (ii)	-	47,77%	-	89,00%	-	4.450.000.000	-	-
	Công ty CP May V Dệt May Nam Định (i)	-	42,22%	36%	78,65%	1.980.000.000	4.326.000.000	-	-

Phụ lục 3

Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND
		31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018		

Công ty con của Công ty CP Bông Việt Nam

11	Công ty CP Bông Tây Nguyên	29,80%	29,80%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	-
12	Công ty CP Bông & Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung	42,91%	42,91%	49,81%	49,81%	4.550.000.000	3.250.000.000
13	Công ty CP Giồng cây trồng Nhà Hồ	29,70%	29,70%	54,00%	54,00%	10.800.780.000	-

Công ty con của Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex

14	Công ty CP May Nam An	32,81%	32,81%	64,33%	64,33%	15.440.000.000	-
15	Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	38,25%	38,25%	75,00%	75,00%	22.500.000.000	-
	Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà (i)	-	51,00%	25%	100%	7.500.000.000	-
16	Công ty TNHH May Vinatex Bồng Sơn	51,00%	51,00%	100%	100%	30.000.000.000	-

Công ty con của Tổng Công ty CP Phong Phú

17	Công ty CP Dệt Đông Nam	30,55%	30,55%	60,99%	60,99%	36.817.040.000	-
18	Công ty CP Dệt May Nha Trang	26,04%	26,04%	51,97%	51,97%	96.143.750.000	-
	Công ty CP Đầu tư Khánh Phú (iii)	-	17,85%	-	35,63%	-	-
19	Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	35,57%	35,57%	71%	71%	63.900.000.000	-

Công ty con của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex

20	Công ty TNHH MTV Dệt 8-3	100%	100%	100%	100%	128.068.211.370	173.199.296.963
21	Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%	118.026.000.000	-
22	Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh	68,86%	68,86%	68,86%	68,86%	37.200.000.000	-

Phụ lục 3

Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Đây là các công ty con được chuyển thành các công ty liên kết trong năm.
- (ii) Đây là công ty con thanh lý trong năm.
- (iii) Đây là công ty con giải thể trong năm.

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội									
1	Cty CP Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
2	Công ty CP Dệt May Hoàng Thị Loan	43,70%	43,70%	75,90%	75,90%	25.503.100.000	25.503.100.000	-	-
3	Công ty CP Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.000.000	5.107.000.000	-	-
4	Công ty CP May Halotexco (i)	37,75%	44,62%	53,64%	53,64%	3.755.000.000	1.877.500.000	1.100.000.000	1.100.000.000
5	Công ty CP May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,00%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
6	Công ty TNHH MTV Hà Nam - Hanosimex	57,57%	57,57%	100%	100%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
7	Công ty CP Dệt Hà Đông Hanosimex	30,65%	30,65%	53,23%	53,23%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	-
8	Công ty CP Dệt kim Hanosimex	77,27%	77,27%	60,51%	60,51%	22.992.000.000	22.992.000.000	15.008.000.000	15.008.000.000

- (i) Trong năm, công ty đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty này.

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty May Đức Giang – CTCP	35,20%	35,20%	25.287.630.000	25.287.630.000
3	Công ty CP May Hưng Yên	35,01%	35,01%	47.434.460.000	47.434.460.000
4	Công ty CP May Bình Minh	25,00%	25,00%	13.230.000.000	9.450.000.000
5	Công ty CP May Hữu Nghị	29,24%	29,24%	34.766.360.000	34.766.360.000
6	Công ty CP May Đồng Nai	25,70%	25,70%	28.108.080.000	28.108.080.000
7	Công ty CP Vinatex OJ	35,00%	35,00%	10.143.000.000	10.143.000.000
8	Công ty CP May Chiến Thắng	21,99%	21,99%	6.120.000.000	6.120.000.000
9	Công ty CP Vinatex Đà Nẵng	30,00%	30,00%	9.000.000.000	9.000.000.000
10	Công ty CP May Đáp Cầu	24,04%	24,04%	12.621.000.000	12.621.000.000
11	Công ty CP May Nam Định	30,00%	30,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
12	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44,00%	44,00%	3.564.000.000	3.564.000.000
13	Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
14	Tổng Công ty CP May Việt Tiến	30,40%	30,40%	134.059.200.000	134.059.200.000
15	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
16	Tổng Công ty May 10 – CTCP (i)	33,82%	33,82%	102.273.980.000	63.921.240.000
17	Công ty CP Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina (ii)	40,4%	30,00%	85.346.535.875	85.346.535.875
18	Công ty CP Dệt May Liên Phương	30,77%	30,77%	95.877.720.000	95.877.720.000
19	Công ty CP Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	29.700.000.000	29.700.000.000
Công ty liên kết của Công ty 8-3					
	Công ty CP Vinatex Quốc tế (iii)	-	49,00%	-	49.000.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công Ty CP Dệt may Nam Định					
20	Công ty CP May 1 Dệt Nam Định (v)	19,32%	22,45%	2.700.000.000	2.007.500.000
21	Công ty CP Đô thị Dệt May Nam Định	45,78%	45,78%	31.100.000.000	31.100.000.000
22	Công ty CP May V Dệt May Nam Định (iv)	19,32%	-	1.980.000.000	-

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội					
23	Công ty CP May Đông Mỹ Hanosimex	16,68%	16,68%	1.159.000.000	1.159.000.000
Công ty liên kết của Công ty CP Sợi Phú Bài					
	Công ty CP Sợi Phú Bài 2 (iii)	-	31,89%	-	24.000.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ					
24	Công ty CP May Hòa Thọ - Phú Ninh (vi)	12,99%	17,69%	8.500.000.000	8.500.000.000
25	Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam (iv)	20,88%	-	6.428.000.000	-
Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Phong Phú					
26	Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	80.347.424.000	80.347.424.000
27	Công ty CP đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10,77%	10,77%	10.000.000.000	10.000.000.000
28	Công ty CP May Đà Lạt	35,27%	35,27%	10.048.648.520	10.048.648.520
29	Công ty CP Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoo - Thủ Đức	22,05%	22,05%	144.596.306.997	144.596.306.997
30	Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	19,74%	19,74%	8.011.203.600	8.011.203.600
	Công ty CP Đầu tư Phong Vân (iii)	-	23,97%	-	18.994.120.000
	Công ty TNHH Linen Supply Services (iii)	-	10,02%	-	6.366.000.000
Công ty liên kết của Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex					
31	Công ty CP May Vinatex Hương Trà (iv)	12,24%	-	7.500.000.000	-

- (i) Trong năm, các công ty liên kết này đã phát hành thêm cổ phiếu cho Tập đoàn và các cổ đông khác nhưng không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty này.
- (ii) Trong năm, các cổ đông khác tại công ty này đã rút vốn, qua đó làm tăng tỉ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty này.
- (iii) Đây là công ty liên kết thanh lý trong năm.
- (iv) Đây là công ty con được chuyển thành công ty liên kết trong năm.
- (v) Trong năm, các công ty liên kết này đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty này.
- (vi) Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết này giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty mẹ trực tiếp của các công ty này là Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam giảm.

**TẬP ĐOÀN DỆT MAY
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 230/TĐDMVN-TCKT
v/v: giải trình chênh lệch LNST trên
BCTC 2018 so với BCTC 2017

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2019

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà nội**

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giữa báo cáo kiểm toán của kỳ báo cáo so với báo cáo kiểm toán cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên.

Về vấn đề này, Tập đoàn Dệt may Việt Nam (mã CK:VGT) xin được giải trình biến động của lợi nhuận sau thuế năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017 trong BCTC riêng 2018 của Tập đoàn như sau:

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN năm 2017: 255.490.153.657 đồng
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN năm 2018: 345.377.348.130 đồng

Chênh lệch tăng: 89.887.194.473 đồng, tương đương tỷ lệ tăng 35,18% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chính do doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong năm 2018 của Tập đoàn tăng 25,47% so với cùng kỳ năm 2017.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.


TỔNG GIÁM ĐỐC
**TẬP ĐOÀN
DỆT MAY
VIỆT NAM**
Lê Tiến Trường